

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 240 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại
(Barit khai thác) tại Phụ lục II Quyết định số 1343/QĐ-UBND
ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 38/TTr-STC ngày 06/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Sửa đổi, bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (Barit khai thác) tại Mã nhóm, loại tài nguyên II2401- Phụ lục II Quyết định

số 1343/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang: Theo phục lục đính kèm.

- Các nội dung khác giữa nguyên theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, KTN,TH;
- + Trung tâm Thông tin;
- + Lưu: VT, KTTH_{Tứ}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

Phụ lục
BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI
KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI KHÁC (BARIT KHAI THÁC)
(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh)

Mã nhóm, loại TN	Loại tài nguyên tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh	Loại tài nguyên sửa đổi, bổ sung (để thực hiện)	Mức giá 1000đ/tấn
II24	Khoáng sản không kim loại khác	Khoáng sản không kim loại khác	
II2401	Barit khai thác	Barit khai thác	
II240101	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	40
II240102	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	Quặng Barit khai thác hàm lượng 20% ≤ BaSO ₄ < 40%	110
II240103	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	Quặng Barit khai thác hàm lượng 40% ≤ BaSO ₄ < 60%	300
II240104	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	Quặng Barit khai thác hàm lượng 60% ≤ BaSO ₄ < 70%	600
II240105	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ nhỏ hơn 20%	Quặng Barit khai thác hàm lượng BaSO ₄ ≥ 70%	800